

Số: 2657/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 14 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư công trình lâm sinh:
Trồng rừng sản xuất tại Ban QLRPH Tà Thiết**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-BNN ngày 06/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Thực hiện Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 11/3/2021 của UBND tỉnh về việc trồng cây xanh năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Báo cáo số 276/BC-SNN-KH ngày 05/10/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư công trình lâm sinh: Trồng rừng sản xuất tại Ban QLRPH Tà Thiết, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình, chủ đầu tư

- Tên công trình lâm sinh: Trồng rừng sản xuất tại Ban QLRPH Tà Thiết.
- Chủ đầu tư: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

2. Địa điểm thực hiện: Tại tiểu khu 214, 215, 217, 218, 221 - Ban QLRPH Tà Thiết.

3. Mục tiêu đầu tư

- Trồng rừng sản xuất góp phần ứng phó biến đổi khí hậu, tăng độ che phủ cho rừng, cải thiện và ổn định môi trường sinh thái.
- Bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn nước, môi trường đất.

- Góp phần nâng cao nhận thức về vai trò của rừng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu cho cộng đồng dân cư.

- Bảo vệ cảnh quan Di tích Căn cứ Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam.

4. Nội dung và quy mô

- Nội dung:

+ Trồng và chăm sóc rừng trồng.

+ Loài cây trồng: Dầu rái, Sao đen, Gõ đỏ.

+ Mật độ: 500 cây/ha.

- Quy mô:

+ Diện tích thiết kế: 111,28 ha.

+ Diện tích thực trồng: 107,05 ha: Trồng hỗn giao Dầu rái và Gõ đỏ: 90,27 ha; Trồng hỗn giao Dầu rái và Sao đen: 16,78 ha.

+ Diện tích phi sản xuất (đường lô, đường giao thông...): 4,23 ha.

5. Giải pháp thiết kế chủ yếu

- Tổng số lô thiết kế: 32 lô (lô có diện tích nhỏ nhất 0,34 ha và lô có diện tích lớn nhất 5,09 ha.

- Phương pháp: Xử lý thực bì bằng cơ giới.

- Đào hố trồng rừng: Hố được đào bằng cơ giới theo tuyến và nọc đã phóng trên thực địa, kích thước hố 40cm x 40cm x 40cm.

- Phương thức trồng: Trồng hỗn giao.

- Mật độ: 500 cây/ha.

+ Công thức 1: Trồng hỗn giao Gõ đỏ, Dầu rái (diện tích 90,27 ha). Mật độ: 500 cây/ha; Hàng cách hàng 5m; Cây cách cây 4m.

+ Công thức 2: Trồng hỗn giao Dầu rái, Sao đen (diện tích 16,78 ha). Mật độ: 500 cây/ha; Hàng cách hàng 5m; Cây cách cây 4m.

- Chăm sóc rừng trồng:

+ Chăm sóc năm thứ nhất: 02 lần/năm.

+ Chăm sóc năm thứ hai: Trồng dặm và chăm sóc 03 lần/năm.

+ Chăm sóc năm thứ ba: Phát dọn chăm sóc rừng trồng 02 lần/năm.

+ Chăm sóc năm thứ tư: Phát dọn chăm sóc rừng trồng 01 lần/năm.

- Bảo vệ rừng: Phòng chống cháy rừng, chống sâu bệnh hại cây trồng cắn phá, ngăn chặn các tác động tiêu cực của con người và gia súc đến cây trồng.

6. Dự toán: 11.329.789.331 đồng (Mười một tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi một đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 10.453.706.481 đồng.
- Chi phí quản lý: 313.611.194 đồng.
- Chi phí tư vấn xây dựng: 481.978.115 đồng.
- Chi phí khác: 80.493.540 đồng.

7. Nguồn kinh phí: Từ nguồn Ngân sách nhà nước

8. Dự toán chi tiết và tiến độ giải ngân

TT	Hạng mục	Tiến độ giải ngân				Tổng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng (A+B+C+D)	7.049.782.021	1.973.730.045	1.462.253.246	844.024.019	11.329.789.331
A	Chi phí xây dựng (I+II+III+IV)	6.298.359.579	1.916.242.762	1.419.663.346	819.440.795	10.453.706.481
I	Chi phí đầu tư trực tiếp	5.265.882.386	1.572.592.078	1.165.067.065	672.485.829	8.676.027.359
1	Chi phí trồng và chăm sóc năm 1	5.265.882.386				5.265.882.386
1.1	Chi phí nhân công	1.549.724.199				1.549.724.199
1.2	Chi phí máy thi công	2.120.180.000				2.120.180.000
1.3	Chi phí vật liệu	1.595.978.188				1.595.978.188
2	Chi phí chăm sóc và bảo vệ rừng trồng		1.572.592.078	1.165.067.065	672.485.829	3.410.144.972
2.1	Chăm sóc năm thứ hai		1.572.592.078	0	0	1.572.592.078
2.2	Chăm sóc năm thứ ba		0	1.165.067.065	0	1.165.067.065
2.3	Chăm sóc năm thứ tư		0	0	672.485.829	672.485.829
II	Chi phí chung	263.294.119	78.629.604	58.253.353	33.624.291	433.801.368
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	304.104.708	90.817.193	67.282.623	38.836.057	501.040.580
IV	Thuế giá trị gia tăng (10%*(I+II+III-chi phí cây giống)	465.078.365	174.203.887	129.060.304	74.494.618	842.837.174
B	Chi phí thiết bị					0
C	Chi phí quản lý 3%*(A+B)	188.950.787	57.487.283	42.589.900	24.583.224	313.611.194
D	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	481.978.115				481.978.115
E	Chi phí khác	80.493.540				80.493.540
G	Chi phí dự phòng	352.489.101	98.686.502	73.112.662	42.201.201	566.489.467

9. Thời gian và tiến độ thực hiện

- Tổ chức trồng toàn bộ 107,05 ha trong năm 2021.
- Thực hiện chăm sóc rừng trồng từ năm 2022 đến năm 2024.

(kèm theo hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan đầu mối có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức trồng rừng theo hồ sơ được phê duyệt; hàng năm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT và Chủ đầu tư thực hiện bố trí kinh phí thực hiện trồng rừng từ nguồn kinh phí Ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

3. UBND huyện Lộc Ninh, Ban QLRPH Tà Thiết có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư:

- Tổ chức thông báo đến Nhân dân việc trồng rừng nêu trên. Tuyên truyền vận động người dân tham gia công tác trồng, chăm sóc bảo vệ rừng sản xuất.
- Tiến hành bàn giao hiện trường để thực hiện trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng trên diện tích đất rừng sản xuất theo thiết kế được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Lộc Ninh, Ban QLRPH Tà Thiết; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP, Phòng: KT;
- Lưu: VT (Th qđ 55-021).



Huỳnh Anh Minh